

GIÁO DỤC THỜI THUỘC PHÁP

1. Giáo dục phổ-thông

Sau khi người Pháp chiếm ba tỉnh miền Đông Nam-kỳ (1861), Đô-đốc Charner cho lập Collège d'Adran và cấp 100 học bổng để khuyến khích người đi học. Năm sau, lại lập ra một trường tiểu học dành cho 100 nữ sinh do các sơ Saint-Paul de Chartres trông coi. Cả hai trường đều do ngân sách thuộc địa đài thọ.

Khoảng năm 1865, Đô-đốc De La Grandière bắt đầu mở các trường làng dạy người bản xứ các môn toán, khoa học sơ đẳng, chữ Việt và chữ Pháp. Đến năm 1867, có 56 trường hoạt động. Năm 1868, một ủy ban cố vấn về giáo dục, với đa số thành phần là giáo sĩ, thành hình. Trường học thành phố Sài Gòn, dạy toàn bằng tiếng Pháp, được thành lập.

Năm 1879, Thống-đốc Nam-kỳ Le Myre de Vilers quyết tâm xóa bỏ mọi dấu vết của nền giáo dục nho-học và ra nghị định ngày 17-3-1879 để lập chương trình giáo dục phổ thông và đặt ra một Ủy-ban Cao-cấp về Giáo-dục Phổ-thông. Các trường học được chính thức mở ở các làng. Nghị định này của Le Myre de Vilers giúp mở đầu cho sự phát triển dần của nền giáo dục phổ thông ở Nam-kỳ. Đến năm 1888, có 791 trường tiểu học ở Nam-kỳ, trong số đó có 305 trường phổ thông, 420 trường làng, 66 trường đạo, và có thêm ba collèges với 870 học sinh.

Ở Bắc-kỳ, năm 1885, có hai trường Pháp được mở ở Hà-nội và Lạng-son; năm 1885, mở Trường Thông-ngôn ở Hà-nội. Trường Thông-ngôn ở Hà-nội đổi thành Trường Bưởi năm 1908. Cùng thời gian này, ở Nam-định có Collège Jules Ferry.

Năm 1886, Toàn-quyền Paul Bert cho lập hơn một trăm trường dạy tiếng Việt, một trường mỹ-thuật ở Hà-nội, ba lớp học may cắt cho nữ sinh bản xứ.

Sau khi Nhật chiến thắng Nga (1904) và phong trào duy-tân lan tràn toàn quốc (1907 – 1908), Toàn-quyền Paul Beau lấy lòng giới thượng lưu Việt-Nam bằng cách chú trọng vào việc tổ chức giáo dục phổ thông và phát triển y tế bản xứ. Mục đích giáo dục không chỉ nhắm vào việc đào tạo thư ký và thông ngôn như trước nữa.

Năm 1906, Nha Học-chính được thiết lập cùng với Hội-đồng Cải-thiên Giáo-dục bản-xứ. Năm 1908, Nha Học-chính đưa ra một học qui như sau:

a/ hệ thống Hán-Việt-Pháp gồm ba bậc:

- áu-học, ở trường làng, dạy chữ Hán và chữ Việt, tốt nghiệp thi bằng cấp *tuyển-sinh*;
- sơ-học, ở các phủ huyện, dạy chữ Hán và chữ Việt, chữ Pháp thì tùy ý, tốt nghiệp thi bằng *khóa-sinh*;
- trung-học, ở các tỉnh lỵ, dạy chữ Hán, chữ Việt, chữ Pháp; mỗi ba năm qua một kỳ sát hạch để đi thi hương, có viết bài chữ Hán, luận bằng tiếng Việt và bài dịch Pháp văn tình nguyện.

b/ hệ thống Việt-Pháp, chỉ có ở tỉnh lỵ, dạy chữ Việt và chữ Pháp, gồm có:

- sơ-học, học năm năm, cuối năm thứ năm thi bằng *khóa-sinh* (Certificat d'Etudes Primaires)
- bổ-tập (enseignement complémentaire), học bốn năm, sau bốn năm thi Diplôme d'Etudes complémentaires. Chương trình học dạy toàn bằng tiếng Pháp gồm có chính tả, ngữ vựng, văn phạm, luận văn, đọc bài, bài học thuộc lòng; các môn khoa học như toán, vật lý, hóa học, cách trí (vạn vật), địa dư, lịch sử nước Pháp, lịch sử Việt-Nam, dịch văn Pháp-Việt.

Học qui này ấn định sự đồng nhất trong việc tổ chức giáo dục phổ thông ở Trung-kỳ và Bắc-kỳ.

Những thay đổi quan trọng hơn cả về giáo dục được thực hiện trong nhiệm kỳ của Toàn-quyền Albert Sarraut.

Nghị định ngày 22 tháng 12 năm 1917 ban bố thể lệ mới về việc học cho Đông-dương. Việc giáo dục trong ba xứ Bắc-kỳ, Trung-kỳ, Nam-kỳ được đồng nhất lại. Sarraut giao cho C. Mus và nhiều người khác cùng soạn *Code de l'Instruction Publique* (1917) và *Règlement général de l'Instruction Publique* (1918). Một cơ quan Thanh-tra Trung-ương (Inspectorat général de l'Instruction Publique) được thành lập để thực hiện các nhiệm vụ về giáo dục. Nhiệm vụ chính của họ là giám đốc tất cả các trường Pháp và Pháp-Việt ở Đông-Dương; các trường này được tài trợ bởi ngân sách Đông-Dương. Cơ quan Thanh-tra này còn có nhiệm vụ tổ chức các buổi họp của Hội-đồng Tư-vấn Giáo-dục Phổ-thông (Conseil Consultatif de l'Instruction Publique), kiểm soát việc tổ chức đều đặn các kỳ thi, kiểm tra việc tuyển dụng các nhân viên Pháp vào ngành giáo dục, tìm hiểu những vấn đề liên hệ đến sự phát triển giáo dục phổ thông, giám sát việc ấn hành các tạp chí định kỳ về sự phạm và lưu trữ các tài liệu cần thiết.

Vị Thanh-tra trưởng (Inspecteur général) được ba viên thanh-tra phụ tá, một người lo về giáo dục phổ thông, một người chuyên về huấn nghệ, một người chuyên về mỹ thuật.

Cơ quan Thanh-tra này được kiểm soát bởi Nha Giám-đốc Học-chính về Giáo-dục Phổ-thông. Nha Giám-đốc Học-chính có nhiều quyền hành hơn cơ quan Thanh-tra và có nhiệm vụ giám đốc và giám sát các cơ sở giáo dục ở trình độ cao đẳng và huấn nghệ. Các trường công và tư đều do Nha Giám-đốc kiểm sát. Nha Giám-đốc Học-chính còn có nhiệm vụ đưa ra những đề nghị tổng quát về việc phát triển giáo dục ở Đông-Dương. Nha Giám-đốc Học-chính về Giáo-dục Phổ-thông tồn tại đến năm 1945.

Năm 1918, Toàn-quyền Albert Sarraut ban bố những quyết định mới về học chế như sau:

- bỏ các kỳ thi bằng chữ Hán (các khoa thi hương thi hội). Kỳ thi hội cuối cùng tổ chức ngày mồng một tháng ba ta, tức là ngày 1 tháng 4 năm 1919.
- bãi bỏ học qui năm 1908: các trường ấu-học, sơ-học từ thời Paul Beau đổi thành trường tiểu-học Pháp-Việt và thuộc quyền chính phủ bảo hộ kiểm đốc. Bậc ấu-học bị bãi bỏ. Các trường Pháp-Việt được gọi nôm na là trường Nhà Nước.
- có hai loại trường tiểu-học: *trường yếu-lược* ở làng quê, chỉ có ba lớp cấp dưới, có thể dùng tiếng Việt để dạy học, nhưng được khuyến khích dạy bằng tiếng Pháp; *trường kiêm-bị* có năm lớp, học trong năm năm, dạy hoàn toàn bằng tiếng Pháp, bỏ chữ Hán và chữ Việt. Năm lớp tiểu-học là *đồng-ấu* (lớp 5, cours enfantin), *dự-bị* (lớp 4, cours préparatoire), *sơ-đẳng* (lớp 3, cours élémentaire), *trung-đẳng* (lớp nhì, cours moyen) và *cao-đẳng* (lớp nhất, cours supérieur). Cuối năm lớp nhất thì thi *tốt nghiệp tiểu-học* (Certificat d'Etudes Primaires).

Vì *trường yếu-lược* học xong không thi cử, không cấp bằng nên cha mẹ học trò không muốn cho con đến học. Lại thêm học trường *yếu-lược* ra, học trò không biết tiếng Pháp, không học lên cao được. Kết quả là trên thực tế, trường *yếu-lược* không còn học trò, chỉ còn *trường kiêm-bị* dạy bằng tiếng Pháp.

- bậc trung-học gồm bốn năm bổ-tập và hai năm chuẩn bị thi tú-tài bản-xứ. Ở Hà-Nội có trường trung-học nhận học sinh người Việt và chuẩn bị học sinh vào trường Đại-học Đông-Dương. Chương trình bậc trung-học dùng chuyên ngữ là tiếng Pháp. Từ những môn học Pháp-văn như dictée, vocabulaire, grammaire, composition française, lecture, récitation, đến các môn khoa học như chimie, physique, sciences naturelles, géographie, histoire đều dạy bằng tiếng Pháp.

Việc dạy học toàn bằng tiếng Pháp gây ra những sự phản đối trong giới trí thức Việt ở Bắc-kỳ. Các nghị-viên Hội-đồng Tư-vấn Bắc-kỳ xin cho học trò thi một bài luận quốc-ngữ vào kỳ thi tốt nghiệp tiểu-học. Hội Khai-trí Tiến-đức thỉnh cầu cho cả bậc tiểu-học được dạy bằng quốc-ngữ. Tổng-đốc Hoàng Trọng Phu và Phạm Quỳnh, chủ bút Nam-Phong, lên tiếng xin cho trẻ em tiểu-học được học bằng quốc-

ngữ. Lý do chính được đưa ra là vì nhờ dùng quốc-ngữ trẻ em sẽ thu thập nhanh chóng kiến thức phổ thông.

Nhân dịp được sang Pháp dự cuộc đấu-xảo (1922), Phạm Quỳnh đã diễn thuyết ở ban Luân-lý-chính-trị-học của Hội Hàn-lâm nước Pháp về đề tài “Comment doit-être faite l’éducation des Annamites par la France?” (*Nước Pháp phải dạy người Việt-nam thế nào?*)

Theo ông nhận xét, sau khi chính phủ bảo hộ bãi bỏ khoa cử nho-học, vấn đề giáo dục ở Việt Nam vẫn chưa được giải quyết ổn thỏa, và có hai phái ý kiến chống đối nhau.

- Thuyết của “phái thuộc địa cổ” nói rằng để cho dân An-nam học giỏi thì họ càng học càng có đủ sức để một ngày kia chống lại với quyền lực và quyền lợi nước Pháp. Nếu người Pháp muốn giữ các quyền ấy cho được thật lâu, chỉ nên dạy người An-nam học nghề chuyên môn, để làm thợ khéo, làm đốc công giỏi, giúp việc ở các công sở của chính phủ cho thạo; không nên dạy họ học các khoa cao-đẳng của Tây phương vì nguy hại cho người Pháp và vì trình độ của người dân An-nam chưa đủ để hiểu thấu.
- Thuyết thứ nhì của chính phủ bảo hộ dự định mở rộng sự học cho dân theo trình độ của họ: “*dân càng mở mang được bao nhiêu thì sẽ cho học càng cao lên bấy nhiêu.*” Từ những trường sơ-học, tiểu-học, trung-học, ngày nay đã có một trường đại-học tuy tiêu chuẩn chưa được như ý muốn nhưng cũng đang trên đường tiến tới mục đích ấy.

Tuy nhiên, theo ông nghĩ, cách giáo dục hoàn toàn theo Tây phương vẫn chưa có thể xem là tốt đẹp được vì dân tộc Việt Nam là một dân tộc đã có một nền văn minh riêng và lâu dài. Phạm Quỳnh đề nghị Hội Hàn-lâm Pháp chú ý đến vấn đề này để có thể khuyến cáo chính phủ bảo hộ trong việc giáo dục người Việt. Ông phân biệt sự khác biệt giữa học vấn và ngôn ngữ.

Ông đề nghị dạy trẻ con Việt bậc tiểu-học - tức là bậc “*phổ-thông quốc-dân giáo-dục*” - bằng tiếng Việt để đa số trẻ con hấp thụ được kiến thức căn bản học thuật Tây phương một cách nhanh chóng. Xong bậc tiểu-học, những học sinh thông minh được tuyển chọn để dự bị vào các trường trung-học, trường chuyên-môn và trường cao-đẳng Đông-Pháp và Pháp. Những học sinh này sẽ học bằng tiếng Pháp.

Phạm Quỳnh lo ngại rằng nếu học sinh chỉ học bằng tiếng Pháp, sau này sẽ sinh ra một khoảng cách biệt rất lớn giữa những người trí thức Việt và dân chúng Việt. Người trí thức có Tây-học, bị Tây-hóa, sẽ mất dần tính chất Việt Nam. Họ không thể nói tiếng Việt trôi chảy, họ không liên lạc thông cảm được với dân chúng Việt. Nếu chính phủ trông cậy vào giới trí thức này để truyền bá tư tưởng và ảnh hưởng của nước Pháp, làm trung gian cho lý thuyết Pháp-Việt hợp-tác thì những người trí thức không biết nói tiếng Việt tất không thể ảnh hưởng được đến đồng bào của họ.

“Nếu cái mục-đích tối-cao của sự giáo-dục là giúp cho phát-siển nhân-cách được hoàn-toàn; và nếu nhân-cách người ta là bao giờ cũng tùy-thuộc trước nhất ở hoàn-cảnh và ở giống-nòi, rồi sau là ở cái gốc đại-đồng của cả loài người, dầu cổ-kim Đông-Tây bao giờ cũng thế, cái gốc ấy lại cũng chính là gốc của văn-hóa nước Pháp; thời chúng tôi xin quý-quốc có giáo-dục cho chúng tôi, đừng dạy thành cái giống An-Nam dở-dang nửa mùa, mà dạy cho nên những người An-Nam hoàn-toàn chân-chính, vừa theo-đòi văn-minh học-thuật Thái-Tây, lại vừa biết giữ-gìn lấy ngữ-ngôn phong-tục cổ-hữu của nước mình”.
(*Nam-Phong, Mai 1923*)

Do sự vận động của giới trí thức Việt, Toàn-quyền Merlin thay đổi học qui vào năm 1924. Bậc tiểu-học gồm hai bậc:

- sơ-học (hay sơ-đẳng), học ba năm, dạy bằng tiếng Việt, cuối lớp ba thi bằng sơ-học yếu-lược (sơ-đẳng tiểu-học bản-xứ);

- tiểu-học, học ba năm, có hai lớp nhì (cours moyen A và cours moyen B), và lớp nhất, dạy bằng tiếng Pháp, cuối lớp nhất thi bằng tiểu-học.

Nha Học-chính ấn định cuối năm thứ ba của bậc sơ-đẳng tiểu-học có thi cấp văn bằng Sơ-học yếu-lược (Certificat d'Etudes élémentaires indigènes) vào tháng năm. Học trò ở tỉnh nào thì phải thi ở tỉnh ấy. Thí sinh phải đúng mười tuổi tây kể đến ngày 31 tháng 12 năm dự định thi. Học trò các trường công và tư nộp đơn lên lý-trưởng hay trưởng-phố để đệ đơn lên tỉnh.

Hội-đồng chấm thi do viên thanh-tra các trường ở mỗi địa phương đề cử và do quan đốc-ly hay công-sứ quyết định. Hội-đồng này gồm một viên thanh-tra hay là một viên quan Tây làm chủ khảo, một vị quan ta (tri-huyện, tri-phủ, hoặc tri-châu) làm phó chủ khảo và các nam nữ giáo viên nhiều hay ít tùy theo số thí sinh.

Chương trình thi gồm có phần viết và phần thi vấn đáp, đều phải thi bằng quốc-ngữ. Bài thi chữ Pháp thì tùy ý.

Phần thi viết thường như sau:

*Bài thi bắt buộc:

- một bài ám tả độ 8 hay 10 dòng, có chừng năm câu hỏi;
- một bài luận đề (tả cảnh, ký sự, viết thư, v.v...)
- hai bài tính đồ về bốn phép tính và phép đo, có cả lời giải;
- thi ám tả cũng là thi tập viết.

*Bài thi tình nguyện: bài ám tả dễ bằng chữ Pháp, độ 8 hay 10 dòng; tập dịch ra quốc-ngữ.

Mỗi bài thi viết hạn trong 45 phút.

Kỳ vấn đáp gồm có:

*Thi bắt buộc:

- tập đọc một bài quốc-ngữ dễ, trả lời một vài câu hỏi của giám khảo;
- hỏi về luân lý, lịch sử, địa dư;
- hỏi về phép tính miêng và những điều thường thức về vệ sinh, canh nông, nuôi súc vật, v.v...

*Thi tình nguyện: đọc một bài bằng Pháp văn có câu hỏi.

Một bài thi vấn đáp chỉ hạn chừng năm phút mà thôi.

Điểm số các bài, tính từ 0 đến 10. Thí sinh nào vào thi viết mà điểm số tổng cộng được 20 thì mới được vào vấn đáp. Tổng cộng hai kỳ, viết và vấn đáp, được 35 điểm thì mới được đỗ.

Bậc học bổ-tập (Enseignement complémentaire) thường được gọi là “thành-chung”, về sau đổi là cao-đẳng tiểu-học Pháp-Việt (enseignement primaire supérieur franco-indigène). Ban “thành-chung” cao-đẳng tiểu-học gồm bốn năm: đệ nhất niên, đệ nhị niên, đệ tam niên và đệ tứ niên. Cuối năm đệ tứ niên thì thi Diplôme d'Etudes complémentaires. Các trường “thành-chung” Pháp-Việt được gọi là Collège.

Cuối học khóa 1921 – 1922, từ Bắc vào Nam có các trường trung-đẳng sau đây:

Collège du Protectorat à Hanoi
Ecole Normale d'Instituteurs à Hanoi
Ecole Normale d' Institutrices à Hanoi
Collège de Quốc-học à Huế
Ecole Normale d' Instituteurs à Saigon
Collège de Jeunes Filles indigènes à Saigon

Trường Quốc-học Huế (Collège de Quốc-học à Huế) mở từ năm 1896, đến năm 1909 bắt đầu mở kỳ thi Certificat d'Etudes Primaires Franco-Indigènes (thường được phiên âm ra tiếng Việt cho dễ gọi là bằng Ri-me hay bằng sé-ti-phi-ca). Các học sinh ở các tỉnh Trung-kỳ đậu bằng “ri-me” có thể xin vào học ở ban “thành-chung” (cao-đẳng tiểu-học) của trường Quốc-học Huế. Năm 1917, trường cao-đẳng tiểu-học Đồng-Khánh (Huế) được mở cho nữ học sinh.

Trường Pétrus Ký được khởi công xây cất vào năm 1926 theo họa đồ của một kiến trúc sư người Pháp và khánh thành năm 1927 với tên trường là Collège de Cochinchine. Trường được đổi tên là Lycée Pétrus Ký kể từ học-khóa 1928 – 1929.

Các nữ sinh cao-đẳng tiểu-học đến học ở Collège des Jeunes Filles à Saigon, sau này có tên là “Trường Áo Tím”.

Các học sinh Collège ở Nam-kỳ (cao-đẳng tiểu-học) sau khi thi đỗ Diplôme sẽ phải qua một kỳ thi tuyển để được vào học tại Lycée Pétrus Ký.

Các học sinh ở Bắc-kỳ đỗ bằng Certificat d'Etudes Primaires (ở Bắc gọi là bằng Cơ-thủy) có thể nộp đơn xin học ở Collège du Protectorat ở Hà-Nội. Collège du Protectorat ở Hà-Nội hay là Trường Bảo-hộ, còn được gọi là Trường Bưởi vì tọa lạc ở làng Bưởi. Các thí sinh có bằng Cơ-thủy phải dự một kỳ thi tuyển vì mỗi niên khóa chỉ nhận khoảng dưới 200 học sinh.

Khoảng năm 1928, Trường Bưởi mở thêm cấp trung-học để thi lấy bằng tú-tài bản-xứ (baccalauréat local). Bằng tú-tài này gồm hai phần: học hai năm, cuối năm thứ hai thi tú-tài phần một; đỗ tú-tài phần một, học thêm một năm nữa rồi thi tú-tài phần hai. Đỗ cả hai phần mới được kể là đậu tú-tài toàn phần và tốt nghiệp trung-học. Collège du Protectorat khi có chương trình tú-tài đổi tên là Lycée du Protectorat.

Từ trước năm 1925, học sinh Việt sang Pháp học được miễn bằng tú-tài khi xin vào các trường Đại-học. Họ chỉ cần dự khóa thi tổ chức cho các học trò nước ngoài bậc trung-học, hễ thi trúng cách thì được vào học các trường Đại-học, không cần phải có tú-tài Pháp (theo nghị định ngày 5 tháng 1 năm 1912). Từ năm 1925, vì Đông-Pháp có trường trung-học dạy theo chương trình bên Pháp, nên học sinh Việt muốn vào học Đại-học Pháp phải có tú-tài Pháp như học sinh Pháp, không được miễn như trước.

Năm 1930, nhiều học sinh thi đậu tú-tài bản-xứ thường thi đậu cả tú-tài Pháp (baccalauréat métropolitain) nên bằng tú-tài bản-xứ được công nhận tương đương với tú-tài Pháp.

Đến thời gian này, trình độ của học sinh Việt ngang với trình độ học sinh Pháp, chương trình học trong các trường học của chính phủ thuộc địa tổ chức cũng đã được nâng cao lên theo sự tiến bộ của học sinh bản xứ. Chỉ trong vòng hai mươi năm kể từ khi có Nha Học-chính và tổ chức giáo-dục phổ-thông có ở cả ba kỳ Bắc, Trung, Nam, trình độ học sinh Việt-Nam đã được nâng cao ngang bằng với học sinh ở một cường-quốc Tây-phương là nước Pháp.

2. Giáo dục cao-đẳng, chuyên môn và huấn nghệ

Trong nhiệm kỳ của Toàn-quyền Albert Sarraut, nghị-định ngày 8 tháng 7 năm 1917 cho phép đặt một tòa “Đại-học tổng-cục” (Direction de l'Enseignement Supérieur), với nhiệm vụ mở những trường cao-đẳng cho học trò người Pháp và người bản xứ ở Đông-Dương vào học và đặt chương trình cho các trường ấy. Những trường này được gọi chung là “Đại-học Đông-Dương” (Université Indochinoise). Người được Toàn-quyền Sarraut bổ nhiệm làm Tổng-trưởng Đại-học-cục là Tiến-sĩ y-khoa Cognacq, giám-đốc trường Y-học Hà-Nội. Đa số giáo sư đại-học trong thời kỳ này là những vị “lĩnh-khóa giáo-viên (chargés de cours), vừa có chức nghiệp ngoài xã hội vừa đi dạy thêm. Đến năm 1924, mới có những vị

“thực-thụ giáo-viên” (professeurs titulaires) chuyên việc dạy học các trường cao-đẳng và tiếp xúc thường xuyên với học sinh.

Năm 1932, các trường cao-đẳng được cải tổ để nâng cao trình độ, học sinh muốn xin vào đại-học phải có bằng tú-tài bản-xứ hay tú-tài Pháp.

Trong Đại-học Đông-Dương có những trường cao-đẳng như sau:

- Trường Y-học Dược-học, thành lập năm 1902, để đào tạo y-sĩ bản-xứ, y-sĩ trợ-tá và dược-sĩ. Năm 1917, Trường Y-học Dược-học chuyển thành Trường Cao-đẳng Y Dược. Chương trình học gồm bốn năm học, tốt nghiệp làm Y-sĩ Đông-Dương hay Dược-sĩ Đông-Dương. Năm 1923, với tiêu chuẩn học cao hơn, Trường Y-học Dược-học đổi tên thành ra Trường Y Dược Kiêm-Bị (Ecole de Plein Exercice de Médecine et de Pharmacie), đào tạo Y-sĩ và Dược-sĩ hạng nhất. Học xong bốn năm, sinh viên được học bổng đi Pháp học thêm một năm. Các y-sĩ phải trình luận án để trở thành Bác-sĩ Y-khoa. Năm 1936, Trường có bốn giáo sư của Trường đi thi và đậu Thạc-sĩ Y-khoa Đại-học Pháp. Nhờ đó Trường Y-học được nâng lên thành Đại-học Y-khoa (Faculté de Médecine) đào tạo Tiến-sĩ Y-khoa tương đương với Tiến-sĩ Y-khoa ở Pháp.
- Năm 1939, ban Nha-khoa được thành lập để đào tạo nha-sĩ với chương trình học năm năm.
- Năm 1941, Trường Y Dược Kiêm-Bị đổi thành Đại-học Hỗn-hợp Y Dược (Faculté mixte de Médecine et de Pharmacie), cấp văn bằng cho các Y-sĩ và Dược-sĩ tốt nghiệp.
- Trường Hậu-bổ thành lập năm 1897; năm 1912 đổi tên là Trường Sĩ-hoạn (Collège des Mandarins) có hai khoa: một về sự phạm để đào tạo giáo viên, và một về hành chánh. Năm 1918, Trường Sĩ-Hoạn đổi thành ra Trường Pháp-chính, dạy pháp luật nước Pháp, chính trị Đông-Dương, kinh tế, công pháp và tư pháp quốc tế, chữ nho, điển lệ và pháp luật Việt Nam. Năm 1924, trường Pháp-chính trở thành Đông-Pháp Cao-đẳng Học-viện, dạy về luật pháp chính trị, lịch sử, văn minh Đông Tây, tôn giáo, mỹ thuật, địa dư và lịch sử các dân tộc ở Đông-Pháp và Á-Đông, Hán-Việt văn chương. Đến năm 1932, Trường Cao-đẳng Luật-học ở Hà-Nội khánh thành. Sinh viên học ba năm thì tốt nghiệp cử-nhân luật-khoa. Năm 1939, Trường Hành-chánh Đông-Dương được thiết lập, tách rời hai ngành luật và hành chánh. Trước kia, hành chánh là môn học được dạy vào năm cuối của trường Luật. Năm 1941, Trường Cao-đẳng Luật-học trở thành một phân khoa đại-học: Trường Luật-khoa Đông-Dương, có chương trình tiến-sĩ về dân luật và chương trình cao-đẳng về tư luật. Hai năm sau có thêm ngành chính trị và kinh tế. Chương trình học tương đương chương trình ở Pháp.
- Trường Thương-Nghiệp khai giảng năm 1920 ở Hà-Nội. Chương trình học gồm có các sinh ngữ Pháp, Anh, Hoa, các môn toán học, đại số học, kinh tế địa dư học, hóa học, thương nghiệp, pháp luật, kỹ hà học, thương phẩm học, học về sản vật ở các thuộc địa, võ trang các tàu biển, tốc ký, đánh máy chữ, vệ sinh.
- Trường Cao-đẳng Su-phạm thành lập năm 1917 có mục đích đào tạo giáo sư bản-xứ để dạy cấp cao-đẳng tiểu-học. Trường Su-phạm (Ecole Normale) đào tạo thầy cô giáo bậc tiểu-học.
- Trường Cao-đẳng Mỹ-Thuật Đông-Dương thành lập năm 1925 với hai ngành kiến trúc và mỹ thuật. Ngành mỹ thuật dạy các kỹ thuật về hội họa và điêu khắc: vẽ trên lụa, vẽ màu nước gouache, sơn dầu, sơn mài, khắc gỗ màu, điêu khắc, nặn tượng, vẽ mẫu vải cho kỹ nghệ dệt.

- Ở tỉnh Biên-Hòa (Nam-kỳ) có trường dạy làm đồ gỗ; ở tỉnh Thủ-dầu-một có trường dạy làm đồ gỗ khai thác các loại cây gỗ quý như trắc, cẩm lai, mun, gõ đỏ.
Ở Gia-Định có trường dạy môn vẽ (Ecole de dessin à Gia-định) đào tạo công chức cho Trường Công-lộ (Travaux publics), vẽ họa đồ nhà, vẽ kiểu xây cầu cống, vẽ địa đồ ruộng, đo đạc ruộng vườn.
Ở Sài-Gòn có trường Bá-nghệ (Ecole Professionnelle d'Industrie, sau này đổi tên là Ecole Pratique d'Industrie) dạy đóng bàn ghế bằng gỗ.
- Trường Máy (Ecole des Mécaniciens Asiatiques) có từ năm 1906, dạy về máy tàu và máy xe hơi. Năm 1922, Trường Bá-nghệ và Trường Máy nhập làm một gọi là Ecole Technique Spéciale de Saigon, chú trọng dạy về cơ khí.
- Trường Kỹ-nghệ Thực-hành (Ecole Pratique d' Industrie, viết tắt là EPI), dạy hai ngành gỗ và sắt. Về ngành sắt, học viên học các nghề làm thợ nguội, thợ tiện, thợ rèn, học vẽ đồ bản kỹ nghệ (dessin industrie). Khi tốt nghiệp, có thể đi làm tại những xưởng chế biến máy móc sản xuất kỹ nghệ (machine outils).

Khi đến chiếm Việt-Nam làm thuộc-địa, người Pháp lúc đầu chỉ có ý muốn chiếm tài-nguyên, nhưng dần dần họ đã phải mở mang kiến thức và nâng cao trình độ kỹ thuật để có chuyên viên, mục tiêu này phù hợp với “sứ mệnh văn hóa” (*mission civilisatrice*) của họ.